TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 11 - 2018
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung'

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Nguyễn Văn Chung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Văn phòng - Phòng Tham mưu - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lai Châu, "có mặt".

- **Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Hải A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện V, Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hải A kết hôn với nhau ngày 15/8/2008, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị A về chung sống cùng gia đình anh ở thôn Đồng Phú, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống anh và chị Hải A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên ở tại đơn vị công tác, chị A ở nhà nuôi con nhưng cũng không quan tâm gì và có quan hệ phức tạp với bên ngoài, chị A tự ý vay mượn ngoài xã hội, nhiều lần xã hội đen đến đòi nợ gây ảnh hưởng đến gia đình và con cái. Khoảng gần 1 tháng nay chị A đã tự ý bỏ nhà đi không quan tâm gì đến con cái. Đến nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hải A.

Về con chung: Anh và chị Hải A có 01 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 11/5/2009, hiện cháu đang ở cùng anh Đ. Ly hôn anh xin nuôi cháu Tr, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hải A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị Hải A nhưng chị Hải A đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương và gia đình cho biết trong quá trình chung sống anh Đ và chị Hải A có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì gia đình và địa phương không nắm được. Anh Đ xin ly hôn chị Hải A có biết nhưng chị Hải A không đến Tòa án làm việc. Anh Đ và chị Hải A có 01 con chung là Phạm Thị Quỳnh Tr, sinh ngày

11/5/2009 (hiện đang ở cùng anh Đ). Nay anh Đ xin ly hôn chị Hải A địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh Đ đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị Hải A là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt do đó chị Hải A tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải A. Về con chung: giao cho anh Đ được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 11/5/2009 (hiện đang ở cùng anh Đ). Chị Hải A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn và phân chia nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Hải A. Bị đơn chị A hiện có hộ khẩu và cư trú tại khu 6, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với chị Hải A quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Hải A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không có

lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hải A theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Đ và chị Hải A đăng ký kết hôn ngày 15/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Hải A là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa anh Đ và chị Hải A thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh Đ và chị Hải A có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh Đ trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tình cảm; anh Đ công tác xa ít về, chị A ở nhà có nhiều quan hệ phúc tạp bên ngoài, vay mượn dẫn đến xã hội đen đến đòi nợ tại gia đình và lên cả trên đơn vị của anh Đ từ đó gây ảnh hưởng đến cả gia đình và công việc của anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án chị Hải A mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều không có mặt để trình bày ý kiến về mâu thuẫn hay xin đoàn tụ, không có ý kiến gì về việc nuôi con. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị Hải A đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Đ xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị Hải A có 01 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 11/5/2009. Hiện nay cháu Tr đang ở cùng với anh Đ, ly hôn anh Đ xin được nuôi cháu Tr và không yêu cầu chị Hải A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị Hải A không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con. Anh Đ hiện có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định do đó cần giao cháu Tr cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 11/5/2009 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Cháu Tr hiện đang ở với anh Đ); chị Hải A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0001864 ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng